

## ĐẶC ĐIỂM TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO Ở NAM BỘ THEO CÁCH TIẾP CẬN DÂN TỘC HỌC - TÔN GIÁO

MẠC ĐƯỜNG<sup>(\*)</sup>

**T**ín ngưỡng và tôn giáo là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học xã hội hiện nay. Triết học nghiên cứu bản chất tư duy triết học trong các giáo lí và các bộ kinh lớn. Sử học nghiên cứu lịch sử hình thành và sự phát triển của các tôn giáo qua các thời đại. Chính trị học nghiên cứu các chính sách tôn giáo của các nhà nước. Tôn giáo học nghiên cứu tôn giáo như một hiện tượng xã hội tổng thể trong đời sống xã hội. Dân tộc học nghiên cứu tín ngưỡng của từng dân tộc và các nhóm tôn giáo trong mỗi dân tộc như một đặc điểm văn hóa tinh thần trong quá trình phát triển của mỗi tộc người...

Vào đầu thế kỉ XX, xu hướng dân tộc học Anh - Mỹ đã kế thừa công việc của Viện Dân tộc học Hoa Kỳ, tên gọi cũ là "Bureau of Ethnology" ở New York (1834-1902), và phát triển để hình thành nên ngành khoa học Anthropology hiện đại mà nay ở Việt Nam được gọi là nhân học. Trong khoa nhân học hiện đại ở các nước trên thế giới, nhất là các quốc gia có nền đại học dạy bằng Anh ngữ từ

thập niên 80 của thế kỉ XX cho đến nay đã phát triển ngành nhân học - tôn giáo (Anthropology of religion), tức ngành dân tộc học - tôn giáo ở nước ta.

Dân tộc học - tôn giáo là một ngành khoa học chuyên biệt của dân tộc học nghiên cứu tín ngưỡng và tôn giáo theo ba định hướng kinh điển: *Một là*, định hướng nghiên cứu xem tín ngưỡng và tôn giáo như một nhu cầu văn hóa tinh thần tự nhiên mà Tylor Edward Burnett (1832-1917) đã thể hiện trong tác phẩm *Văn hoá nguyên thủy* được xuất bản năm 1881 ở Luân Đôn. *Hai là*, định hướng nghiên cứu xem tín ngưỡng và tôn giáo như là một hình thái biểu tượng của trật tự xã hội do Emile Durkheim (1858-1917) trình bày trong tác phẩm *Những hình thức sơ khai của đời sống tôn giáo* đã công bố năm 1912 tại Paris. *Ba là*, định hướng hướng nghiên cứu xem tín ngưỡng và tôn giáo như "một tấm gương phản ánh trình độ phát triển kinh tế - xã hội do Các Mác đề xướng trong

---

\*. PGSTS., Hội Dân tộc học thành phố Hồ Chí Minh.

tác phẩm *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Heghen* và luận văn nghiên cứu *Vấn đề Do Thái* được giới thiệu trên tạp chí *Niên giám Pháp - Đức* năm 1843 ở Paris.

Ở phía Nam, sau năm 1975, Viện Khoa học Xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh đã có nhiều công trình dân tộc học - tôn giáo nghiên cứu về Công giáo, Phật giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, Tin Lành, đạo Tứ Ân, Bửu Sơn Kỳ Hương và các loại hình tín ngưỡng của người Chăm, người Khmer, người Hoa, các dân tộc bản địa Nam Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Trong những công trình đã được công bố, phương pháp luận của Mác và Lênin trong tác phẩm *Bút kí triết học* (bình luận về tác phẩm *Những bài giảng về bản chất của tôn giáo* do Phơbách công bố) được thể hiện trong các luận án tiến sĩ Dân tộc học đã bảo vệ thành công của Trần Hồng Liên (1993), Phạm Bích Hợp (1996), Nguyễn Duy Bình (2001), Hồ Ngọc

Liên (2002), Vương Hoàng Trù (2003) và nhiều luận văn, báo cáo khoa học, công trình khảo tả, luận văn tốt nghiệp đại học, cao học đã công bố.

## I- VỀ THUẬT NGỮ TÍN NGƯỠNG, ĐỨC TIN VÀ TÔN GIÁO

Thuật ngữ tín ngưỡng mà tôi sử dụng ở đây có thể tương thích với khái niệm *Croyances* trong tiếng Pháp, *Veravanhie* trong tiếng Nga và *Belief* trong tiếng Anh, mà tác phẩm của Tylor và Durkheim đã cung cấp cho ta một nội hàm khá phong phú. Tín ngưỡng không nên xem là tôn giáo, dù đó là tôn giáo nguyên thủy và chắc chắn là khó có thể chấp nhận một quan niệm tiếp theo khi ta bàn về tôn giáo nô lệ, tôn giáo phong kiến, tôn giáo tư bản chủ nghĩa... Đó là một quan niệm máy móc về khái niệm tín ngưỡng và tôn giáo. Để so sánh sự khác nhau về hai hiện tượng *Tín ngưỡng* và *Tôn giáo*, tôi đưa ra giả thuyết định tính sau đây:

TÍN NGƯỠNG (BELIEF)	TÔN GIÁO (RELIGION)
1. Đa thần (polytheism)	1. Độc thần (monotheism)
2. Không có Đấng Cứu thế tối cao	2. Có Đấng Cứu thế tối cao
3. Không có giáo lí	3. Có giáo lí (Vệ Đà, Cựu Ước, Coran...)
4. Không có giáo luật	4. Có giáo luật tổ chức
5. Không có tổ chức giáo hội	5. Có tổ chức giáo hội
6. Có lòng tin theo phong tục	6. Có đức tin mạnh mẽ về giáo hội
7. Không có giáo phái, giáo đoàn	7. Có giáo phái, dòng tu và giáo đoàn

Từ giả thuyết so sánh định tính trên, chúng ta cần phân biệt rõ ràng giữa hai khái niệm tín ngưỡng và tôn giáo về mặt lí thuyết và thực tiễn. Nội dung của sự khác nhau ấy có thể đưa đến 2 kết luận quan trọng trong nghiên cứu dân tộc học - tôn giáo đối với các cộng đồng dân cư/dân tộc trên địa bàn Nam Bộ.

*Một là, phải xem tôn giáo là một nhu cầu xã hội phát triển nằm trong chính sách tôn giáo của Nhà nước và quyền công dân được hiến pháp quy định.* Định hướng nghiên cứu dân tộc học - tôn giáo cần hướng tới mục tiêu “đại đoàn kết toàn dân nhằm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam bền vững”, miêu tả và phân tích những mặt mới và rất mới trong các cộng đồng dân cư tôn giáo, sự biến chuyển xã hội tích cực và những trường hợp về công lao tiêu biểu của đồng bào giáo dân các tôn giáo đã từng tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược cùng bọn tay sai phản động từ năm 1945 cho đến năm 1975, đặc biệt là sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1975 đến nay. Tôn giáo nào cũng có nhiều nhân tố tích cực và truyền thống yêu nước với ý thức dân tộc sâu sắc. Các nhà nghiên cứu dân tộc học - tôn giáo phải có nhiệm vụ tích cực đẩy lùi từng bước những định kiến tôn giáo trong xã hội có hại cho sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân và có lợi cho bọn thù địch thực

hiện mưu đồ chia rẽ dân tộc trên đất nước ta, đặc biệt ở vùng đất Nam Bộ và miền biên giới Tây Nam của Tổ quốc. Đối với các tôn giáo, nhà dân tộc học - tôn giáo phải nghiêm túc tôn trọng các *đức tin tôn giáo* (*la foi des religion* trong tiếng Pháp và *Vernost relighi* trong tiếng Nga) và giúp tín đồ hiểu rõ mối quan hệ giữa tôn giáo và dân tộc để cùng hoạt động xã hội vì sự phát triển của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì ý niệm tốt đạo, đẹp đời theo tâm lí tôi là người Việt Nam trước khi tôi là tín đồ của tôn giáo.

*Hai là, đối với các hình thái tín ngưỡng*, nhà dân tộc học nên xem các hiện tượng này như những phong tục, tập quán của văn hóa dân gian (Folk - Culture) mà nhiệm vụ nghiên cứu dân tộc học không thể bỏ sót. Mục tiêu của các công trình nghiên cứu tín ngưỡng có giá trị không kém phần quan trọng để xóa bỏ những tàn tích lạc hậu, mê tín dị đoan, kế thừa những di sản cần thiết (thờ cúng tổ tiên, lễ hội đình làng...) xây dựng đời sống văn hóa mới trong nhân dân, nhất là vùng dân tộc thiểu số, các nhóm dân cư người Việt ở vùng sâu, vùng xa, sắp xếp lại các phong tục cưới xin, ma chay, giỗ tết, thờ cúng tổ tiên, người có công ở đình làng, đền, miếu... sao cho hợp lí, hạn chế mê tín dị đoan có hại cho sức khỏe và sự tiến bộ xã hội.

## II- SỰ ĐỊNH VỊ CÁC TÔN GIÁO VÀ LOẠI HÌNH TÍN NGƯỠNG Ở NAM BỘ

Trong lịch sử ở Nam Bộ trước năm 1975, do nhiều nguyên nhân như mưu sinh, bệnh tật, thiên tai địch họa, thú dữ uy hiếp đến mạng sống con người và sự áp bức xã hội đã xuất hiện nhiều tín ngưỡng, nhiều thứ “đạo” nhằm “cứu sinh nhân mạng”. Sau năm 1975, những loại hình tín ngưỡng phức tạp đã giảm bớt, nhiều loại hình tín ngưỡng được gọi là đạo

(đạo Dừa, đạo Chuối, đạo Năm...) đã hoàn toàn biến mất. Các tôn giáo ở Nam Bộ được hình thành một cách bền vững phần lớn là từ thế kỉ XVII trở về sau (ngoại trừ Phật giáo Theravada ở người Khmer có niên đại sớm hơn) lại không ngừng phát triển, đặc biệt phát triển mạnh vào những năm 90 thế kỉ XX cho đến nay.

Căn cứ vào sự định vị như đã trình bày, hiện nay ở Nam Bộ có 6 tôn giáo sau đây:

### 1. Các tôn giáo ở Nam Bộ hiện nay:

STT	TÊN GỌI CÁC TÔN GIÁO	ĐỨC TIN	VÙNG DÂN CƯ DÂN TỘC	NƠI THỰC HIỆN NGHI LỄ CỘNG ĐỒNG
1	Phật giáo	Phật Tổ	Vùng Khmer-Việt	Chùa Phật
2	Công giáo	Chúa Kitô	Vùng người Việt	Nhà thờ Công giáo
3	Hồi giáo	Thánh Ala	Vùng người Chăm	Masjid
4	Hòa Hảo	Phật Thầy	Vùng người Việt tỉnh An Giang	Tổ đình
5	Cao Đài	Thiên Nhân (Thượng Đế)	Vùng người Việt các tỉnh Tây Ninh, Bến Tre, Bạc Liêu...	Thánh thất
6	Tin Lành	Chúa Kitô	Vùng người Việt (đô thị)	Nhà thờ Tin Lành

Đức tin tôn giáo vào Đấng Cứu thế là một nguồn lực tinh thần mạnh mẽ đối với tín đồ các tôn giáo. Đức tin ấy, xét về nguồn gốc và bản chất, là sự “cứu nhân độ thế”, là con đường dẫn “chúng sinh” thoát khỏi hiểm nguy, đói nghèo, thoát cảnh cường quyền áp bức, hướng tới một cộng đồng thương yêu, đùm bọc nhau trong một đại gia đình làm theo lời

răn của Đấng Cứu thế mà mình thờ phụng. Vì vậy, *xét về cội nguồn của tôn giáo, đạo đức tôn giáo chính nghĩa không mâu thuẫn với mục tiêu cách mạng Việt Nam do Đảng ta lãnh đạo*. Chỉ có những phe phái chính trị đội lốt tôn giáo thường xuất phát từ quyền lợi kinh tế cục bộ và sự ham mê quyền lực chính trị mị dân để khống chế các tín đồ chống lại các mục

tiêu nhân văn mà cách mạng Việt Nam đã và đang thực hiện.

Trong 6 tôn giáo ở Nam Bộ hiện nay, chỉ có đạo Hòa Hảo là hoàn toàn mang tính chất Nam Bộ của Việt Nam khi xét về nguồn gốc ra đời và đức tin vào Đấng Cứu thế của nó. Đạo Cao Đài cũng là một tôn giáo bản địa Nam Bộ của Việt Nam, nhưng đức tin của nó mang tính hỗn dung của nhiều xu hướng triết học Đông - Tây kết hợp, trong đó Thần đạo (Shintoism) được biểu tượng bằng “Thiên Nhân”. Phật giáo Theravada là tôn giáo lâu đời nhất ở Nam Bộ, xuất hiện trong nền văn hóa óc Eo ở giai đoạn trung kì với những minh văn bằng vàng và những tượng Phật có niên đại từ thế kỉ VI-VII sau Công nguyên. Nhưng về xuất xứ, Phật giáo Theravada trong người Khmer và Phật giáo Đại

thừa trong người Việt đều có nguồn gốc từ Ấn Độ. Công giáo, Tin Lành, Hồi giáo đều là những tôn giáo có nguồn gốc xuất phát từ bên ngoài lãnh thổ Việt Nam. Những tôn giáo này có nhiều tín đồ thuộc các dân tộc khác nhau trên thế giới. Song, *chỉ có Hòa Hảo và Cao Đài là hai tôn giáo có tín đồ thuần người Việt*, nhưng hiện nay tín đồ Hòa Hảo và Cao Đài đã có mặt ở Hoa Kỳ, Canada, Australia, một ít ở Pháp sau khi họ di tản ra khỏi đất nước Việt Nam trong những năm 70 và 80 của thế kỉ XX.

Nam Bộ là một vùng đất có nhiều loại hình tín ngưỡng lâu đời đang còn hiện diện trong cuộc sống đời thường của các dân tộc. Có thể nêu lên một số loại hình tín ngưỡng quan trọng nhất đối với đời sống tinh thần cư dân các dân tộc ở Nam Bộ như sau:

**2. Các loại hình tín ngưỡng phổ biến ở Nam Bộ hiện nay:**

STT	LOẠI HÌNH TÍN NGƯỠNG	NƠI THỜ CÚNG	DÂN TỘC/ĐỊA PHƯƠNG
1	Thờ cúng Tổ Tiên	Bàn thờ gia đình	Việt/Nam Bộ
2	Thờ cúng thành hoàng, bốn cảnh	Đình	Việt/Nam Bộ
3	Thờ cúng người có công lớn (Lê Văn Duyệt, Trương Tấn Bửu...)	Lăng	Việt/Nam Bộ
4	Bà Chúa Xứ, Thánh Mẫu, Bà Đen, Phật Bà Quan Âm	Đền, chùa	Việt/Nam Bộ
5	Đạo Bửu Sơn, Tứ Ân, Thánh Trần (tức Trần Văn Thành)	Tổ đình, đền	Việt/An Giang, Sa Đéc, Vũng Tàu,...
6	Thờ Cá Voi	Đình, miếu	Việt/ven biển
7	Niekta, Thổ Địa, ông Bồn, Thần Trời (Thiên Hoàng, Địa Kỳ), Thần Đất (Thiên Phủ, Địa Mẫu), Yang ở người Stiêng, Chơ Ro, Plao Pacak ở người Chăm...	Bàn thờ, miếu thờ	Khmer, Hoa, Việt, Chăm, Stiêng, Chơ Ro

### III- NHỮNG ĐẶC ĐIỂM XÃ HỘI CỦA VẤN ĐỀ TÔN GIÁO VÀ TÍN NGƯỠNG Ở NAM BỘ

Qua các tài liệu của Tổng điều tra dân số gần đây nhất, chúng ta có số liệu về tín đồ các tôn giáo ở Nam Bộ, nhưng chưa có và khó có số liệu về số người sùng bái tín ngưỡng. Nhưng có thể đoán định rằng, số người sùng bái tín ngưỡng là rất đông qua biểu tượng thờ cúng tổ tiên, thờ cúng thần đất, thần trời, người có công khai hoang, lập ấp làm ví dụ. Có thể nói, 90% dân số đô thị hiện nay đang sùng bái tín ngưỡng và vật thiêng.

Số tín đồ các tôn giáo Nam Bộ chiếm khoảng 27% tổng số dân. Nhưng có tỉnh, số tín đồ tôn giáo chiếm tới 90% hộ dân (trong đó, ở An Giang, riêng đạo Hòa Hảo chiếm khoảng hơn 80%). Ở cấp huyện, số tín đồ tôn giáo chiếm rất đông: Chợ Mới 95% (An Giang), Thanh Bình 62% (Đồng Tháp). Nhiều xã, nhất là trong đồng bào Khmer, số người theo Phật giáo Theravada chiếm 100%, nhiều buôn làng người Stiêng số tín đồ Tin Lành chiếm 70% hộ dân. Về quan hệ giới, tài liệu cho biết, số tín đồ tôn giáo nam và nữ gần bằng nhau (49% nam và 51% nữ), trong đó số tuổi dưới 30 chiếm khoảng 25% tổng số dân. Trình độ học vấn chung của đồng bào tín đồ các tôn giáo rất thấp, nhất là đồng

bào các dân tộc thiểu số (69% số tín đồ các tôn giáo chỉ có trình độ cấp I và 15% ở trình độ biết đọc, biết viết). Ở Nam Bộ, mức sống còn chưa cao, GDP tính trên đầu người chỉ đạt mức trung bình 500 USD/người, ngoại trừ thành phố Hồ Chí Minh 1.400 USD; Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai và Bình Dương 1.000 USD. Trong đó, số hộ tín đồ nghèo trong các tôn giáo chiếm khoảng 28% và số hộ có đời sống trung bình thấp chiếm 54%, số hộ khá giả và giàu chiếm khoảng 18%.

Cho đến nay, chúng ta cần có những công trình nghiên cứu tỉ mỉ về 3 phương diện quan trọng của vấn đề tôn giáo và tín ngưỡng ở Nam Bộ. *Một là*, cần nghiên cứu sâu những đặc điểm hiện trạng xã hội như so sánh hộ dân, giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, tương quan đói nghèo - vượt nghèo - cận khá giả và khá giả trong tín đồ các tôn giáo. *Hai là*, cần nghiên cứu đầy đủ những hành động tín ngưỡng, tôn giáo của các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo hiện đang tồn tại ở vùng đất này. *Ba là*, cần tiến hành nghiên cứu có hệ thống các phong trào tôn giáo yêu nước trong các tôn giáo cũng như các phong trào chính trị phản động đội lốt tôn giáo của một số nhóm người.

Thiết nghĩ, những công trình khoa học như trên sẽ góp phần phân tích xã hội vùng đất Nam Bộ đang trên đường phát triển để hướng tới một xã hội công nghiệp và hiện đại của thế kỉ XXI/.